TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 214/2024/DS-ST Ngày 26-12-2024 V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Cẩm Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thắm;

Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 163/2024/TLST - DS ngày 02 tháng 04 năm 2024 về việc: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/QĐST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần H3; địa chỉ trụ sở: Số E, N, phường L, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Tầng A, Tòa nhà TNR, số A N, phường N, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Ông Đàm Xuân H, sinh năm 1994; địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà T, số A N, phường N, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 1207/2024/GUQ-TGĐ12 ngày 21/02/2024); vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt.

- Ông Võ Minh T, sinh năm 1983; địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà T, số A N, phường N, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 1207/2024/GUQ-TGĐ12 ngày 21/02/2024); vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ A, khu phố C, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ A, khu phố C, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần H3 và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Đàm Xuân H trình bày:

Ngày 30/12/2021, Ngân hàng Thương mại Cổ phần H3 – Chi nhánh B – Phòng G và ông Nguyễn Văn H1 đã ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 05819/HĐTD/2021/HĐTCHM/RB/3087909 ngày 30/12/2021 có nội dung như sau: Hạn mức thấu chi được cấp là 300.000.000 đồng; mục đích sử dụng, nhằm phục vụ đời sống, nhu cầu chi tiêu cá nhân. Thời hạn duy trì là 12 tháng (từ ngày 30/12/2021 đến ngày 30/12/2022). Lãi suất thấu chi là lãi suất thả nổi và được tính trên dư nợ gốc giảm dần, lãi suất trong hạn được áp dụng kể từ ngày cấp hạn mức tín dụng cho đến ngày 30/12/2022 là 16%/năm. Ngân hàng Thương mại Cổ phần H3 có quyền điều chỉnh lãi suất thấu chi trong hạn, cụ thể: Lãi suất suất được điều chỉnh định kỳ 1 tháng/lần vào ngày cuối cùng của kỳ điều chỉnh lãi suất; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Phương thức trả nợ: Nợ gốc trả cuối kỳ, nợ lãi trả hàng tháng khi có phát sinh dư nợ. Thực hiện hợp đồng, ngày 30/12/2021, Ngân hàng Thương mại Cổ phần H3 – Chi nhánh B – Phòng G đã cấp hạn mức thấu chi cho ông Nguyễn Văn H1 theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 05819/HĐTD/2021/HĐTCHM/RB/3087909 ngày 30/12/2021 với số tiền 300,000,000 đồng. Ông Nguyễn Văn H1 đã thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần H3 – Chi nhánh B – Phòng G số tiền 44,808,510 đồng, trong đó gốc là 84.475 đồng, lãi trong hạn: 44.724.035 đồng.

Ngày 31/12/2021, Ngân hàng Thương mại Cổ phần H3 – Chi nhánh B – Phòng G và ông Nguyễn Văn H1 đã ký kết Hợp đồng cho vay số 01193/2021/HĐCVKTSBĐ/RB/3087909 ngày 31/12/2021 có nội dung như sau: Số tiền vay 190.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng. Thời hạn vay12 tháng. Lãi suất cho vay: Lãi suất trong hạn được áp dụng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên cho đến ngày 31/12/2022 với mức lãi là 16%/năm; lãi suất quá hạn b8àng 150% lãi suất trong hạn. Kỳ hạn trả gốc, lãi: Nợ gốc trả đều hàng tháng, lãi trả hàng tháng theo dư nợ gốc thực tế giảm dần; số kỳ trả nợ gốc là 12 kỳ. Ngày trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 25/01/2022 các kỳ tiếp theo nợ gốc được trả 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng. Số tiền gốc phải trả mỗi kỳ: 15,833,333 đồng, kỳ cuối trả tất toán.Thực hiện hợp đồng, ngày 31/12/2021, Ngân hàng Thương mại Cổ phần H3 – Chi nhánh B – Phòng G đã giải ngân ông Nguyễn Văn H1 theo Hợp đồng cho vay số 01193/2021/HĐCVKTSBĐ/RB/3087909 ngày 31/12/2021 và Giấy nhận nợ lần thứ 01 ngày 31/12/2021 với số tiền 190.000.000 đồng. Ông Nguyễn Văn H1 đã thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần H3 – Chi nhánh B – Phòng G số tiền 190,543,074 đồng, trong đó tiền gốc là 174.200.574 đồng, tiền lãi trong hạn là 16.144.437 đồng.

Tính đến ngày 18/02/2024, ông H1 và bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần H3 – Chi nhánh B – Phòng G. Theo đơn khởi kiện; lời trình bày trong quá trìn tố tụng và tại Bảng chi tiết tính lãi khách hàng Nguyễn Văn H1 tính đến ngày 26/12/2024, Ngân hàng Thương mại Cổ phần H3 yêu cầu:

- Buộc ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị T1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần H3 số tiền tính đến hết ngày 26/12/2024 là 470.658.844 đồng, trong đó:

+ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 05819/HĐTD/2021/HĐTCHM/RB/3087909 ngày 30/12/2021: Nợ gốc là 299.706.025 đồng, nợ lãi trong hạn là 3.941.339 đồng, nợ lãi quá hạn là 143.267.691, tổng cộng là: 446.915.055 đồng.

+ Hợp đồng cho vay số 01193/2021/HĐCVKTSBĐ/RB/3087909 ngày 31/12/2021: Nợ gốc là 15.799.426 đồng, nợ lãi trong hạn 5.367.962 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.576.401 đồng, tổng cộng là: 23.743.789 đồng.

Kể từ ngày 27/12/2024, ông Nguyễn Thanh H2 và bà Nguyễn Thị T1 còn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 01193/2021/HĐCVKTSBĐ/RB/3087909 ngày 31/12/2021 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 05819/HĐTD/2021/HĐTCHM/RB/3087909 ngày 30/12/2021 cho đến khi tất toán hết khoản nợ.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị T1, nhưng ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị T1 không đến Tòa án làm việc theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không thu thập được lời khai của ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị T1.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tống đạt văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Theo Giấy ủy quyền số 1207/2024/GUQ-TGĐ12 ngày 21/02/2024, Ngân hàng Thương mại Cổ phần H3 ủy quyền cho ông Đàm Xuân H hoặc ông Võ Minh T. Do đó, trong quá trình tố tụng ông T vắng mặt, ông H đại diện có mặt là đã đủ điều kiện để Tòa án tiến hành làm việc và xét xử vụ án.

1.2 Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần H3 có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Văn H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 đã được Tòa án đã tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng, nhưng ông H1, bà T1 không đến Tòa án làm việc và tham gia phiên tòa xét xử. Căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H, ông H1 và bà T1.

[2] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng hạn mức số 05819/HĐTD/2021/HĐTCHM/RB/3087909 ngày 30/12/2021 và Hợp đồng cho vay số 01193/2021/HĐCVKTSBĐ/RB/3087909 ngày 31/12/2021 ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần H3 với ông Nguyễn Văn H1:

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 05819/HĐTD/2021/HĐTCHM/RB/3087909 ngày 30/12/2021 và Hợp đồng cho vay số 01193/2021/HĐCVKTSBĐ/RB/3087909 ngày 31/12/2021 được ký kết giữa ông Bùi Sông Q – là người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần H3 – Chi nhánh B – Phòng G với ông Nguyễn Văn H1 và việc các bên ký kết hợp đồng tín dụng trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Do đó, thỏa thuận hợp đồng giữa hai bên có hiệu lực pháp luật và là cơ sở phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa hai bên.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng Thương mại Cổ phần H3 cung cấp, thể hiện: Ngân hàng Thương mại Cổ phần H3 – Chi nhánh B – Phòng G với ông Nguyễn Văn H1 ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 05819/HĐTD/2021/HĐTCHM/RB/3087909 ngày 30/12/2021 và Hợp đồng cho vay số 01193/2021/HĐCVKTSBĐ/RB/3087909 ngày 31/12/2021. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng Thương mại Cổ phần H3 – Chi nhánh B – Phòng G đã giải ngân cho ông Nguyễn Văn H1 số tiền vay của 02 Hợp đồng nêu trên với số tiền là 490.000.000 đồng.

Sau khi vay tiền, ông H1 thanh toán tiền gốc, lãi định kỳ hàng tháng đầy đủ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần H3 – Chi nhánh B – Phòng G đến ngày 18/02/2024 với số tiền là: 235.351.584 đồng, trong đó tiền gốc là 174.285.049 đồng, tiền lãi là 61.066.535 đồng. Từ ngày 19/02/2024, ông H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc, lãi cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần H3 khởi kiện yêu cầu ông H1 và bà T2 cùng có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần H3 số tiền tính đến hết ngày 26/12/2024 là 470.658.844 đồng, trong đó:

+ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 05819/HĐTD/2021/HĐTCHM/RB/3087909 ngày 30/12/2021: Nợ gốc là 299.706.025 đồng, nợ lãi trong hạn là 3.941.339 đồng, nợ lãi quá hạn là 143.267.691, tổng cộng là: 446.915.055 đồng.

+ Hợp đồng cho vay số 01193/2021/HĐCVKTSBĐ/RB/3087909 ngày 31/12/2021: Nợ gốc là 15.799.426 đồng, nợ lãi trong hạn 5.367.962 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.576.401 đồng, tổng cộng là: 23.743.789 đồng.

Kể từ ngày 27/12/2024, ông Nguyễn Thanh H2 và bà Nguyễn Thị T1 còn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 01193/2021/HĐCVKTSBĐ/RB/3087909 ngày 31/12/2021 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số

05819/HĐTD/2021/HĐTCHM/RB/3087909 ngày 30/12/2021 cho đến khi tất toán hết khoản nợ.

Xét thấy, mặc dù việc ký kết hợp đồng tín dụng chỉ có ông H2 tham gia ký kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần H3 – Chi nhánh B – Phòng G. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị T1 là vợ chồng, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 33, quyển số 01, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Hà Tây và ngày 31/12/2021, ông H1, bà T1 có lập Văn bản đồng thuận về việc vay vốn và cùng trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần H3 – Chi nhánh B – Phòng G (bút lục số 66). Do đó, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, cần buộc ông H1, bà T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần H3 – Chi nhánh B – Phòng G số tiền gốc là 315.505.451 đồng và tiền lãi tính đến hết ngày 26/12/2024 là 155.153.393 đồng, tổng cộng tiền gốc, lãi là: 470.658.844 đồng.

[4] Về chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng:

Ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị T1 phải chịu số tiền 7.000.000 đồng, số tiền này hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần H3.

[5] Về án phí sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị T1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015;

- Luật các Tổ chức tín dụng;

- Khoản 1 Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Các Điều 144, 147, 156, 157, 180, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần H3 đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 về: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng";

- Buộc ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần H3 số tiền số là 470.658.844 (bốn trăm bảy mươi triệu, sáu trăm năm mươi tám nghìn, tám trăm bốn mươi bốn) đồng, trong đó:

+ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 05819/HĐTD/2021/HĐTCHM/RB/3087909 ngày 30/12/2021: Nợ gốc là 299.706.025 đồng, nợ lãi tính đến hết ngày 26/12/2024 là 147.209.030 (gồm: tiền lãi trong hạn là 3.941.339 đồng, tiền lãi quá hạn là 143.267.691), tổng cộng là: 446.915.055 đồng.

+ Hợp đồng cho vay số 01193/2021/HĐCVKTSBĐ/RB/3087909 ngày 31/12/2021: Nợ gốc là 15.799.426 đồng, tiền lãi tính đến hết ngày 26/12/2024 là 7.944.363 đồng (gồm tiền lãi trong hạn là 5.367.962 đồng, tiền lãi quá hạn là 2.576.401 đồng), tổng cộng là: 23.743.789 đồng.

Kể từ ngày 27/12/2024, ông Nguyễn Thanh H2 và bà Nguyễn Thị T1 còn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 01193/2021/HĐCVKTSBĐ/RB/3087909 ngày 31/12/2021 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 05819/HĐTD/2021/HĐTCHM/RB/3087909 ngày 30/12/2021 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

2. Về chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng:

Ông Nguyễn Thanh H2 và bà Nguyễn Thị T1 phải chịu số tiền 7.000.000 (bảy triệu) đồng, số tiền này hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần H3.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Thanh H2 và bà Nguyễn Thị T1 phải chịu 22.826.353 (hai mươi hai triệu, tám trăm hai mươi sáu nghìn, ba trăm năm mươi ba) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần H3 số tiền 10.118.654 (mười triệu, một trăm mười tám nghìn, sáu trăm năm mươi bốn) đồng tại Biên lai thu kí hiệu BLTU/24, số 0000837 ngày 21/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Cổ phần H3; ông Nguyễn Thanh H2 và bà Nguyễn Thị T1 có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Bến Cát;
- Chi cục THADS thành phố Bến Cát;
- Các đương sự;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HSVA;VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Cẩm Hằng